

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2024
“ V/v tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và bà Trần Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Đ, tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Thanh T, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Đ, tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Ngô Thanh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 11 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (N là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, chửi bới đánh đập chị

và các con, ngoài ra còn đánh cờ bạc, không phụ giúp chị về kinh tế để nuôi các con. Vì các con chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh T thay đổi để cùng chị nuôi dạy các con và giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Về con chung: chị trình bày vợ chồng có 02 con chung là Ngô Thị Thùy N, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2003 và Ngô Phạm Thanh H1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2012. Con chung Ngô Thị Thùy N đã trưởng thành, đầy đủ quyền công dân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Ngô Phạm Thanh H1, sau ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: chị trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Ngô Thanh T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Giấy triệu tập để anh T tham gia tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại Công an phường Q, thị xã B xác định: “Công dân Ngô Thanh T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1978, có đăng ký cư trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện đang có mặt tại địa phương”.

Tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B xác định: “Ủy ban nhân dân phường Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tổng đạt trực tiếp cho anh Ngô Thanh T. Lý do anh T vắng mặt tại các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án thì Ủy ban nhân dân phường không rõ”.

Ngày 12/7/2024, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên tòa vào ngày 29/7/2024 nhưng anh T vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập anh T đến tham gia phiên tòa vào ngày 15/8/2024 nhưng anh T vẫn vắng mặt, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Tại phiên tòa:

- Chị Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung; đối với cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu cụ thể là buộc anh Ngô Thanh T cấp dưỡng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ngô Phạm Thanh H1 tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2024.

- Anh Ngô Thanh T vắng mặt, không có ý kiến, quan điểm thỏa thuận giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật tố Tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Thanh T.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Ngô Thanh T. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Ngô Phạm Thanh H1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Ngô Thanh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H1 tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, buộc chị Phạm Thị H chịu án phí ly hôn và anh Ngô Thanh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Thanh T, đây là tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Ngô Thanh T có đăng ký cư trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã thực hiện thủ tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh Ngô Thanh T nhưng anh T đều vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Ngô Thanh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, không vi phạm điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận cuộc sống chung trong thời kỳ hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, chửi bới đánh đập chị và các con, ngoài ra còn cờ bạc, không phụ giúp chị về kinh tế để nuôi các con. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy: chị H và anh Thủy c sống nhưng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo chị H bắt nguồn từ việc anh T không chăm lo đến gia đình và hỗ trợ kinh tế để cùng chị nuôi con, thường xuyên uống rượu, chửi bới đánh đập chị. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị H và anh T không còn hạnh phúc, không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Ngô Thanh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị H và anh T có 02 con chung là Ngô Thị Thùy N, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2003 và Ngô Phạm Thanh H1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2012. Con chung Ngô Thị Thùy N đã trưởng thành, đầy đủ quyền công dân nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Ngô Phạm Thanh H1, sau ly hôn chị H có có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu H1 tròn 18 tuổi.

[2.2.1] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Phạm Thị H: Hội đồng xét xử xét thấy anh T không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án về yêu cầu ly hôn, nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con; mặt khác cháu H1 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Ngô Phạm Thanh H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Trường hợp anh T có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị H đề nghị anh Thủy cấp d nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/01 tháng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay con chung Ngô Phạm Thanh H1 đang ở độ tuổi đi học, để con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của con thì yêu cầu của chị H buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Theo chị H trình bày, anh T làm nghề cơ khí, có thu nhập, mỗi tháng từ 9.000.000 đồng đến 12.000.0000 đồng, tuy nhiên không chứng minh được thu nhập của anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt và việc làm nghề cơ khí lúc làm chỗ này, lúc làm chỗ khác, không có bảng lương để căn cứ thu nhập nên không có cơ sở để chứng minh. Theo quy định của pháp luật không hạn chế mức cấp dưỡng tối đa, còn mức tối thiểu không được thấp hơn 50% mức lương cơ bản, tại thời điểm hiện tại là 2.340.000 đồng. Xét thấy mức chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng để cùng chị nuôi con là phù hợp với chi phí nuôi dưỡng, học tập tại địa phương. Nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng từ khi xét xử sơ thẩm tháng 8 năm 2024 đến khi con chung tròn tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

Anh Ngô Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ a khoản 5 và điểm a khoản 67 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Ngô Thanh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị H; xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

3. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Phạm Thanh H1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2012 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Ngô Thanh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị H số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003310 ngày 11/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Anh Ngô Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/8/2024), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND p. Quảng Long, thị xã Ba Đồn;
(Giấy CNKH số 42, ngày 16/11/2002);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức